

ĐẤU TRANH CỦA TÙ NHÂN TRẠI LAO ĐỘNG ĐẶC BIỆT NÚI BÀ RÁ (1940-1945)

Hà Minh Hồng⁽¹⁾, Lưu Văn Quyết⁽¹⁾

(1) Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (VNU-HCM)

Ngày nhận bài 17/02/2020; Ngày gửi phản biện 15/02/2010; Chấp nhận đăng 20/05/2020

Liên hệ email: luuvanquyet@hcmussh.edu.vn

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2020.01.033>

Tóm tắt

Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá là một loại hình nhà tù thực dân Pháp thiết lập ở Việt Nam từ năm 1940 đến tháng 3-1945. Với tên gọi “trại lao động”, chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ đã dựng lên ở nơi rừng thiêng nước độc một hệ thống nhà trại để giam cầm, đày ải những người yêu nước, các chiến sĩ cách mạng và nhiều đối tượng khác. Bài viết này trình bày hoạt động đấu tranh của tù nhân ở nhà tù Bà Rá với những trọng điểm nổi bật là: đấu tranh của nữ tù, trừng trị những tên ác ôn, chống khủng bố, chịu đựng bệnh tật như một hình thức tra tấn - đày ải, tổ chức và đấu tranh nội bộ, những cuộc vượt ngục. Các hoạt động đấu tranh này là phần quan trọng trong quá trình tồn tại hoạt động của nhà tù Núi Bà Rá, góp phần làm rõ thêm lịch sử các nhà tù ở Việt Nam thời thực dân, đế quốc và lịch sử truyền thống anh dũng của địa phương.

Từ khóa: bệnh tật, chế độ lao tù, tù chính trị, vượt ngục

Abstract

POLITICAL PRISONERS' STRUGGLE AT BA RA MOUNTAIN FORCED LABOR CAMP (1940 -1945)

The Ba Ra Mountain Forced Labor Camp was the political prison which was established in unwholesome environment by the French colonial government in Vietnam from 1940 to March 1945. With the name "labor camp", the colonial government built to imprison revolutionary patriots and many others. This paper presents the prisoners' struggles with the highlights of: women's struggles, punishing evil people, combating terrorism, suffering from disease as a form. torture - exile, organization and internal struggle, escapes. These fighting activities are an important part of the operation of Ba Ra mountain prison. The paper accounts the history of prisons in Vietnam during the colonial period, imperialism.

1. Giới thiệu

Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá là một trong những nhà tù điển hình của thực dân Pháp ở Nam Kỳ, được chính quyền thực dân thiết lập năm 1940 tại quận

Núi Bà Rá, tỉnh Biên Hòa (nay thuộc thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước). Tuy chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (1940-1945), “Trại lao động đặc biệt” Núi Bà Rá thực chất là một nhà tù khét tiếng giam cầm, đày ải những người yêu nước, các chiến sĩ cách mạng và nhiều đối tượng khác. Cũng như các nhà tù ở Việt Nam thời Pháp thuộc, nhà tù Bà Rá đã trở thành nơi có phong trào đấu tranh cách mạng quyết liệt với chính quyền thực dân, đế quốc. Tù nhân ở đây gồm nhiều đối tượng, ngoài số chính trị phạm (nam và nữ) - những người hoạt động yêu nước và cách mạng chống chế độ cai trị của thực dân đế quốc giành tự do độc lập cho dân tộc, còn nhiều đối tượng chống đối khác. Tất cả họ đều bị giam cầm, bị tước đoạt quyền tự do, bị đối xử thậm tệ và bị bộ máy bạo lực của nhà tù hành hạ thường xuyên. Vì vậy đấu tranh của tù nhân là tất yếu; tùy theo các khả năng và mục đích khác nhau, mỗi tù nhân đều có nhiều hình thức phản kháng và đem lại cho họ kết quả thiết thực nhất. Đấu tranh của tù nhân luôn luôn là hoạt động phổ biến trong hệ thống nhà tù dưới chế độ thực dân, bởi chế độ lao tù khắc nghiệt không thể giam giữ đày ải được ý chí tranh đấu của những người yêu nước và các chiến sĩ cách mạng vì lý tưởng sống và chiến đấu của mình cho độc lập tự do. Điển hình là các hoạt động đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc, đấu tranh của nữ tù, chống bệnh tật, vượt ngục...

2. Tổng quan tài liệu

Đấu tranh trong các nhà tù ở Việt Nam thời thực dân, đế quốc vốn là chủ đề thu hút giới nghiên cứu lịch sử từ nhiều năm qua. Các công trình nghiên cứu lịch sử nhà tù dưới chế độ thực dân Pháp (và đế quốc Mỹ) đều dành một dung lượng thích đáng để viết về các hoạt động đấu tranh của tù nhân chống chế độ lao tù, biến nhà tù thành chiến trường cách mạng, đấu tranh giành quyền lãnh đạo cách mạng, bảo vệ khí tiết của người yêu nước, tinh thần bất khuất, dũng cảm, thông minh sáng tạo của các thế hệ người Việt Nam yêu nước bị giam cầm trong các “địa ngục trần gian” của quân xâm lược. Đến nay, hầu hết các nhà tù thời Pháp - Mỹ đều đã được viết thành những trang sử quý giá. Nhà tù Côn Đảo (1862-1945) đã có hàng chục ấn phẩm, là những quyển sách “gối đầu giường” cho các thế hệ hôm nay và mai sau (Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, 2001), (Lê Hữu Phước, 2006), (Bùi Văn Toàn, 1996, 1997, 2020, 2003)... Nhà tù Sơn La, Nhà lao Vĩnh, Trại giam tù binh Phú Quốc... đều có những ấn phẩm phản ánh cuộc đấu tranh của tù nhân như một phần không thể thiếu của phong trào đấu tranh cách mạng Việt Nam (Sóng Hồng, 1973), (Nguyễn Văn Trân, 2005), (Trần Văn Kiêm, 2009)... Kế thừa thành tựu nghiên cứu về lịch sử nhà tù nói chung, về hoạt động đấu tranh của các thế hệ tù nhân trong các nhà lao thực dân, đế quốc nói riêng, bài viết này tiếp tục sử dụng hai nguồn tài liệu chính là: hệ thống văn bản lưu trữ của chính quyền thực dân trong quá trình thực hiện các chính sách cai trị, đàn áp người tù và các tài liệu nghiên cứu, lời kể của những nhân chứng lịch sử. Về tài liệu lưu trữ, bài viết sưu tầm và sử dụng các văn bản của cơ quan Thống Đốc Nam Kỳ (TĐNK) chỉ đạo và điều hành các

hoạt động của nhà tù Núi Bà Rá như: Công văn Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Thống đốc Nam kỳ (Phòng các vụ chính trị và bản địa) về việc tù nhân ở trại lao động đặc biệt Bà Rá, Báo cáo tình trạng y tế tại trại lao động Bà Rá, Công văn của Chủ tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng phòng 5 v/v hủy bỏ trại Tà Lài và chuyển lên trại Bà Rá, Báo cáo thanh tra trại lao động đặc biệt Bà Rá, Bảng kê tiền thưởng cho nhân viên sở cảnh sát trong việc bắt tù nhân trại lao động Bà Rá vượt ngục (kèm lời khai và tòa xử), Sở Cảnh sát Sài Gòn gửi Văn phòng Vụ Chính trị bản xứ thuộc Phủ Thống đốc Nam kỳ giấy chứng tử, công văn thông báo v/v tù nhân tại trại lao động Bà Rá chết, Công văn mật của Thống đốc Nam kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa về việc làm thông thoáng trại lao động Bà Rá... Về tài liệu hồi ký, lời kể nhân chứng bài viết sử dụng một số hồ ký cách mạng như *Cuộc đời của mẹ, gia tài các con* (Nguyễn Thị Một, 1990), *Huyền thoại nữ tướng Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Định và khúc bi tráng nhà tù Bà Rá* (Trâm Hương, 2007, 2016), *Nhà tù Bà Rá trong ký ức Nguyễn Thị Lựu* (Bùi Thị Thủy, 2016) và một số tài liệu nghiên cứu về địa chí tỉnh Sông Bé (Trần Bạch Đằng chủ biên, 1991).

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đấu tranh chống chế độ lao tù hà khắc

Chính quyền thực dân thiết lập trại Lao động đặc biệt ở nơi khó khăn đặc biệt cho con người sinh sống, nhằm hành hạ những tù nhân (gồm người tù cộng sản, quần chúng yêu nước và các thành phần khác) cả về vật chất lẫn tinh thần, làm cho họ kiệt lực mà rời rã ý chí đấu tranh, từ bỏ lý tưởng cách mạng, quy thuận theo chế độ thực dân ở thuộc địa. Vì vậy đấu tranh của tù nhân chống lại chế độ giam cầm hà khắc của thực dân đều mang nội dung tính chất thiết thực cho đời sống của chính tù nhân.

Không phân biệt thường phạm hay chính trị phạm, lao động - tù nhân ở các trại A-B-C chia sẻ với nhau, hỗ trợ cho nhau từng viên thuốc, lọ dầu, chén cơm, đường muối, khô mực, cá sụn, rau héo... Đặc biệt là khi lao động bị đau yếu không có thuốc chữa bệnh, bị sốt rét, kiết lỵ và bị đe dọa tính mạng nơi rừng thiêng nước độc. Nhà tù cần dùng hình thức chào cờ và ly khai, không cần đầu thú và khai báo, các lao động - tù nhân ở Bà Rá chỉ cần tự nhận thấy không còn khát vọng sống, khát vọng độc lập, tự do, khát vọng hòa bình đã là “thành công” của địch. Vì vậy lao động - tù nhân sống vất vưởng, kiệt quệ trong các lán trại ở Bà Rá mỗi người phải vượt lên đau đớn về thể xác và tinh thần, anh chị em khuyến khích động viên nhau chịu đựng và chống chọi với bệnh tật để sống trở về đã là mang ý nghĩa quyết tâm giống như kiên quyết đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

Địch không cần tra tấn hay công khai bắn chết tù nhân, chỉ cần giam giữ và bắt lao động khổ sai có khi rất “nhàn hạ” nhưng trong điều kiện khắc nghiệt và hiểm nguy của Bà Rá, từng được coi là “vùng dịch bệnh lây truyền” với những căn bệnh không thuốc chữa, người tù sẽ “chết dần chết mòn”. Như thế người tù được gọi là

“công nhân”, lao động khổ sai được coi như “colon”, thăm nuôi tù nhân được “tự do thăm viếng” có khi 2-3 ngày... Ngoài việc tận dụng sức lực của tù nhân vào mục đích kinh tế, chính quyền thực dân còn nhằm hành hạ lao động-tù nhân cả thể xác lẫn tinh thần, làm cho cho tù nhân kiệt sức mà rã rời ý chí đấu tranh. Đó thực sự là cuộc đấu tranh thiết thực đối với mỗi cuộc sống lao tù ở Bà Rá.

3. 2. Đấu tranh của nữ tù

Vượt lên hoàn cảnh bị giam cầm khắc nghiệt, nữ tù đấu tranh rất quyết liệt. Nữ tù nhân Nguyễn Thị Lựu kể: “Ở Căng B, thấy một số chị em buồn bực sinh đau yếu, nếu chúng tôi đã khuyến khích chị em lao động. Hằng ngày, chúng tôi chia nhau ra từng nhóm, cùng nhau xới đất chung quanh trại để trồng rau thơm, cải, và trồng cả hoa nữa. Xong rồi, tiếp tục làm những chiếc băng tre để rải rác trước trại. Chiều chiều, chị em ra ngồi cùng nhau trao đổi tâm tình hoặc những chuyện cần thiết. Cuộc sống từ đó, càng ngày càng có sinh khí hơn. Chị Tiểu, thường khuyến khích chị em thuê thùa, may vá, để khuây khỏa nỗi mong chờ ngày được tháo xiềng xích” (Bùi Thị Thủy, 2016).

Số lượng phạm nhân tăng lên, kể cả nữ tù, vượt qua sự cai quản chặt chẽ của quản tù, các lao động - tù nhân trại B tranh thủ điều kiện đất trồng đã bảo nhau làm đất, tìm hạt giống rau cải để trồng; hằng ngày khi đi làm tìm thêm rau rừng để cải thiện cho bữa ăn.

Đấu tranh bảo vệ khí tiết và giữ lấy phẩm hạnh của các nữ tù chính trị là cuộc đấu tranh căng thẳng, ác liệt nhất; bởi những nữ tù nhân xinh đẹp, đang độ xuân sắc, có cốt cách cao quý, luôn là đích nhắm của những tên xếp khám và bộ máy cai tù, khiến người nữ tù phải trải qua những trận chiến tự vượt lên chính mình.

Đòn roi, tra tấn nhục hình không đánh gục được ý chí người phụ nữ kiên trung, những nữ chính phạm có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, đoàn kết, thương yêu nhau, kịp thời cảnh giác bọn xếp, bọn cai tù: “*Có những tên ban đêm mò vào chỗ các nữ tù, định giở trò sàm sỡ. Phát hiện được, chị em hô ầm lên khiến chúng sợ, co mình lại. Lấy cơ vùng này có nhiều cọp, beo, thú dữ nên khi “nó” đến gần thì họ khua thùng thiếc, hô vang để “bọn thú” bỏ đi. Các chị dặn nhau khi đi gánh nước, làm cỏ chớ nên ham bóng mát gần nhà máy tên Tây...*” (Trần Hương, 2007).

Hồi ký của nữ tù Tám Lựu cho biết: “bọn mật thám làm việc ở đây thường lần la, giao thiệp, mục đích của chúng là để vừa kiểm soát vừa dụ dỗ các chị em. Chúng thường nói tới tương lai đen tối để cuối cùng thực hiện ý đồ dụ dỗ chị em làm vợ chúng”. Hồi ký còn ghi lại những cuộc đối đáp thật chí lý về cuộc đấu tranh bảo vệ nhân phẩm có một không hai nơi kẻ địch như con thú đói trước nữ tù nhân. Nữ tù nhân Tám Lựu đáp trả thanh tra mật thám Rigaud nhờ tên cò nói việc muốn lấy tù nhân làm vợ: - Ông đừng xem thường tôi như thế. Tôi không phải là loại người để ông đến nói những lời sàm sỡ ấy đâu. Ông định làm nhục tôi à ? Tên cò biện lý: - Một thanh tra mật thám muốn kết hôn với cô có phép tắc và hôn lễ đàng hoàng mà cô cho là làm nhục à ? Nữ tù nhân Tám Lựu liền nói: - Tôi là cộng sản, đi làm vợ

mật thám của đế quốc, chống lại cộng sản, không nhục à ? Và người nữ chiến sĩ cộng sản dứt khoát: - Tôi cho con đường tôi đi là đúng, phù hợp với lý tưởng tôi là đi tới cùng. Không có gì làm tôi ăn năn hết. Tôi yêu cầu ông chấm dứt những hành động trêu ghẹo chị em ở đây. Nếu không, chúng tôi sẽ có thái độ.

Lại có lần phát hiện có bệnh phổi do suy nhược cơ thể quá sức, địch dụ dỗ nữ tù Tám Lựu: “Cô làm một cái đơn xin ân xá rồi tôi sẽ gửi đơn lên trên cho cô. Chớ ở trên này khí hậu không có lợi cho những người đau phổi”. Lập tức chánh tham biện bị đầu lý: “Tôi không có tội gì mà người ta (chính quyền thực dân) bắt tôi tra tấn đánh đập bỏ tù, giam cầm, đày ải tôi đủ thứ rồi bây giờ còn định quản thúc tôi nữa. Thế là người ta có tội. Tôi nghĩ người ta phải làm đơn xin lỗi tôi rồi đưa tôi về mới đúng. Chớ sao tôi lại phải làm đơn xin ân xá” (Nguyễn Thị Lựu, 2015). Chánh tham biện đầu lý không dám “dụ” nữa.

3.3. *Trừng trị những tên ác ôn, chống khủng bố*

Các cựu tù nhân thường kể lại vẫn chuyện chủ ngục Bà Rá thời điểm 1940 là đại úy D'Ersnt, anh chị em tù Bà Rá gọi là thằng Đẹt, là một tên khát máu. “Nó nuôi một con chó berger đặt tên là Nam Kỳ. Hàng ngày nó cho con chó săn gốc Đức này uống máu tươi để duy trì và phát huy thú tính. Máu tươi lấy từ máu người tù vượt ngục không may bị bắt lại. Bắt được tù vượt ngục, thằng Đẹt cho đánh keng tập trung tù lại để xem hình phạt dành cho tử tội” (Nguyễn Hùng, 2003). Sách Địa chí Sông Bé ghi lại tư liệu về nhà tù Bà Rá cho biết: “*Mỗi ngày trại A có không dưới 3-4 tù nhân chết thê thảm. Vì nếu không chết vì trò giết người của D'Ere thì cũng chết vì tai nạn phá rừng, bệnh tật, cọp ăn, rắn cắn. Ngày nào cũng thấy có xác người chết đặt trên tám phen tre, mặt được đậy bằng chiếc ky hốt đất mà người đó thường dùng. Cảnh tượng đó diễn ra hằng ngày như thế để rắn đe số tù còn lại phải biết giữ mình...*” (Trần Bạch Đằng, chủ biên, 1991).

Nhiều tù nhân vượt ngục không chấp nhận bị bắt lại và họ đã bị bắn chết trong tình trạng chống chọi với lực lượng lâu la truy đuổi. Báo cáo số 13071 về trường hợp tù nhân vượt ngục bị bắn chết: “Tù nhân Doan Van Tung, số tù 631-FST, vượt ngục từ trại A ở Bà rá ngày 5/5/1941, sau đó bị bắt lại vào ngày 11 và lại vượt ngục vào 5/6/1941 tại bệnh viện tỉnh Biên Hòa, nơi đương sự đang chữa bệnh”. Người tù này “*đã gieo rắc nỗi sợ hãi... đã đốt nhà tên Nguyen Van Ky và đe dọa giết các hương chức. Chánh tổng Chanh My Ha, 3 dân quân và các hương chức, được điều động xuống bắt tại nhà ở Mỹ Lộc. Doan Van Tung đã dùng gậy cổ thủ ngay tại lối vào nhà rồi bỏ chạy ra phía sau. Chánh tổng đuổi theo và bị hấn chém 2 nhát làm bị thương nhẹ ở đầu. Một lính bắn vào đùi... một dân quân và một hương chức khác đã nhào về phía hấn nhưng không thể bắt được. Người hương chức đã bị thương ở sườn trái, ở khuỷu tay và ở cằm. Doan Van Tung chỉ bị khổng chế sau một trận giằng co kịch liệt rồi bị bắt đưa đến đình làng Mỹ Lộc và bị bắn chết trên đường giải đi*” (TĐNK, 1942).

Đôi đầu với những thủ đoạn dã man tác ác của địch, tù nhân phải sử dụng nhiều chiêu độc, mưu cao “vô quýt dày có móng tay nhọn” để đối phó hiệu quả.

Kể về nữ tù Nguyễn Thị Định (Ba Định), nhà văn Trần Hương có chuyện về tên cai mặt đen thui, mắt ốc nhồi, lúc nào cũng nồng nặc hơi rượu; nó đánh cả tù chính trị và tù thường; chị em tù nhân nhiều lần tranh thủ giáo dục nó không được. Chị Ba Định có lần tôi nói thẳng trước mặt nó: - Chú ở ác như vậy rồi sanh con không có lỗ đít cho mà coi. Tên cai trợn mắt đáp: - Không có lỗ đít thì vót lỗ ô mà xoi. Rồi nó dọa: - Tôi mà giữ mấy bà, tôi còn đánh hung nữa kia. Chị Ba Định và các nữ tù bàn với mấy anh thường phạm tìm cách giết nó làm gương cho mấy tên khác. Cơ hội là việc tên cai dẫn sáu anh đi đào hố chôn người chết; đào xong, anh em biểu nó xuống coi lại. Khi nó nhảy xuống, các anh dùng xẻng cuốc bổ nó chết tươi, vùi nó ngay tại chỗ, rồi trốn luôn. Bọn đầu trâu mặt ngựa cai ngục ở Bà Rá hoảng sợ, bót ngang tăng hơn. Đối phó với tên quản tù hay chụp nắm tóc tù nhân phụ nữ khi đánh, chị em bảo nhau cài kim may vào búi tóc; khi tên quản thủ chụp vào đầu là bị kim đâm vào tay nên phải bỏ ra ngay, lúc đó chị em có thì giờ để đối phó (Trần Hương, 2016).

Mặc dù bị giam cầm, đánh đập dã man, lao động khổ sai trong điều kiện thiếu thốn và nhiều bệnh tật đe dọa, các tù nhân ở nhà tù Bà Rá không hề nao núng, vẫn luôn kiên định với mục tiêu cách mạng; họ không ngừng đấu tranh, biến nhà tù thành nơi đọ sức, đọ trí với kẻ thù; họ luôn nung nấu ý chí vượt ngục, trở về tiếp tục con đường hoạt động cách mạng; họ tranh thủ tuyên truyền, vận động những thường phạm, những người có lỗi lầm giác ngộ chính nghĩa và cuộc sống với quê hương đất nước.

Ngày 18-12-1944, Sở Cảnh sát Sài Gòn gửi Văn phòng Vụ Chính trị bản xử thuộc Phủ Thống đốc Nam kỳ công văn nhắc nhở việc giam giữ tù nhân: “Dường như các chủ tỉnh thường sẵn sàng sử dụng các biện pháp trấn áp do Sắc lệnh ngày 21/1/1940 quy định và mong muốn giảm nhẹ gánh nặng cho các Đốc phủ cũng như cảnh sát trưởng, mà không xác định các nhân tố làm loạn không thể cải tạo, các tội phạm nguy hiểm hoặc những tên đầu sỏ đang gây ra các khủng bố xung quanh họ” (TĐNK, 1944).

Tại Trại lao động đặc biệt núi Bà Rá, bộ máy cai ngục ở đây truyền cho nhau chuyện về nữ tù chính trị Nguyễn Thị Định. Nhằm thử lá gan nữ kiệt qua “trò chơi” bắn súng buổi sáng, chủ Trại chỉ định người mà chúng cho là “cứng đầu cứng cổ nhất” - chị Ba Định ra cầm cổ chai để nó bắn chơi.

Mọi người lo cho người phụ nữ sẽ bị run tay; nhưng chị nhờ thông ngôn nói thẳng với nó: "Theo đúng luật, ông không có quyền bắt tù chính trị làm trò chơi nguy hiểm này. Nhưng để chứng tỏ là chúng tôi không sợ chết, tôi vui lòng cầm chai cho ông bắn, nhưng chỉ một lần này mà thôi!".

Nói rồi chị Ba Định cầm chai bước tới vạch ghi sẵn, bình tĩnh đưa dốc ngược chai không lên đầu cho tên chủ ngục bắn. Hành động dũng cảm này khiến chủ trại và cả bộ máy quản tù, cai ngục rất trọng nể, không chỉ bà Ba Định, mà cả nhóm nữ

tù chính trị trong trại Bà Rá. Chưa thỏa mãn thú tính, tên chủ trại bắt chị Ba Định tháo chiếc vòng cẩm thạch đang đeo ở tay - kỷ vật chồng chị tặng ngày cưới mà chị rất yêu quý làm đích cho hấn bắn tiếp. Quá phần uất, chị tháo vòng, ném mạnh vào viên gạch gần đó, làm chiếc vòng vỡ tan. Trước sự bướng bỉnh, gan dạ của chị Ba Định, tên chủ ngục làm thỉnh nhưng định bụng sẽ gặp lại các "nữ tù ngoan cố" một dịp khác (Trần Hương, 2016).

Chủ trại còn tra tấn tinh thần nữ tù nhân bằng cách đưa chị em ra khu nhà sàn của hấn để chứng kiến cảnh hấn trừng phạt tù nhân nam. Đó là lần chúng bắt được tù nhân bỏ trốn sau khi bạo gan giết tên lính ác ôn; tên chủ trại tra tấn người tù đã man, cho treo ngược anh lên sàn nhà. Tên quan ba đánh anh một gậy thì con chó của hấn chồm lên cắn anh một miếng. Lúc đầu người tù vừa la vừa chống đỡ bộ răng sắc bén của con vật, nhưng dần dần kiệt sức, bất động. Khi những tên lính tháo dây thả anh xuống thì anh như một xác không hồn, bê bết máu. Chứng kiến cảnh khủng khiếp ấy, chị em càng khắc cốt ghi sâu mối thù quân cướp nước (Trần Hương, 2016).

3. 4. Chịu đựng bệnh tật như một hình thức tra tấn, đày ải

Bị giam cầm đày ải ở nơi rừng thiêng nước độc, khí hậu khắc nghiệt, thú dữ rình rập hàng ngày, lại bị chế độ lao tù hà khắc với sự quản lý chặt chẽ khiến người lao động - tù nhân không đủ sức chống chọi với bệnh tật. Số lượng tù nhân-lao động bị chết do bệnh tật ngày một tăng, cho thấy Trại lao động đặc biệt núi Bà Rá là một trong những nơi đày ải nguy hiểm nhất của chế độ thực dân ở miền Đông Nam Kỳ.

Báo cáo ngày 16/8/1941 của Nha Thanh tra Vụ Chính trị - Hành chánh và Lao động khi kinh lý đến trại lao động Núi Bà Rá cho biết: Trại B có 46 tù nhân nữ, làm công việc bếp núc và may vá; có một xưởng may được thành lập với 12 phụ nữ làm việc, may trang phục cho dân quân và các tù nhân. Tình hình sức khỏe của tù nhân trong trại không được tốt lắm. Bệnh sốt rét hoành hành rất nghiêm trọng. Có khoảng 1/6 tổng số tù nhân đang bị bệnh sốt rét (TĐNK, 1941e). Còn ở trại C cũng giống như các trại khác, “đây là vấn đề cần phải được quan tâm. Đặc biệt, trong thời gian này có 13 bệnh nhân lao chưa được chữa khỏi, và sẽ phải chuyển lên bệnh viện Thủ Dầu Một” (TĐNK, 1941e).

Lao động tù nhân trong các trại ở Núi Bà Rá không được ăn thức ăn nấu kỹ, không có mền ngủ chống muỗi và không được phát thuốc kí ninh để phòng sốt rét – đồng nghĩa với việc tù nhân tại các trại phải ăn đói, ngủ trần và tự chống chọi với sốt rét hoành hành, kiệt li, tiêu chảy, lao phổi, kiệt sức, bị đánh đập trong lao động.

Kiệt li, tiêu chảy, lao phổi và sốt rét đều là những bệnh truyền nhiễm, tăng trưởng và phát triển mạnh trong môi trường sống chung kém vệ sinh. Các bệnh truyền nhiễm này phổ biến và là nguyên nhân thường trực dẫn đến những cái chết cho tù lao động trong Trại tù Bà Rá. Môi trường sống kém vệ sinh; các trại giam không có hoặc không đủ phòng cách ly bệnh nhân mắc các bệnh truyền nhiễm nên tình trạng dịch bệnh bùng phát thường xuyên. Nhà vệ sinh và nhà tắm thiếu trầm trọng so với sức chứa của các nhà trại (mỗi dãy nhà trại A có một nhà tắm); các gian nhà trại chật hẹp, thấp, mùa mưa

thì ẩm ướt, mùa khô thì nóng nực; trong khi các lao động/tù nhân thường xuyên bị đánh đập... Bác sĩ Chi huy trưởng Kirsche thừa nhận trong báo cáo tình hình bệnh tật, nhất là các bệnh truyền nhiễm rất nghiêm trọng. Họ thường báo cáo: *“Tình trạng sức khỏe của các lao động hiện nay cũng đang trong tình trạng rất xấu (...) chúng ta không nên quên rằng, các trại lao động, nơi tập trung rất nhiều bệnh nhân từ nhiều năm nay, là một vùng ô nhiễm. Việc thiếu thuốc men không cho phép chăm sóc bệnh nhân một cách hiệu quả. Bệnh sốt rét ác tính đã phá hủy hồng cầu của bệnh nhân đã rút hết máu của họ. Bệnh vàng da đã làm suy kém sức khỏe của họ và làm cho họ bị suy nhược. Vì vậy, chúng tôi không ngạc nhiên khi thấy có nhiều người bị bệnh hoặc mệt mỏi mà không có dấu hiệu sốt”* (TĐNK, 1944a).

Nhìn chung điều kiện sống của tù nhân tại trại giam Bà Rá thấp quá mức và thường xuyên bị đánh đập bởi dân quân, lính canh đồn điền, hiến binh nên ngày nào cũng có người bỏ mạng nơi đây. Bác sĩ Chi huy trưởng Kirsche thừa nhận trong báo cáo là tình hình bệnh tật, nhất là các bệnh truyền nhiễm rất nghiêm trọng và mấy ngày ông ở trại đã có hai người chết. Trong các giấy báo tử, hầu như tuần nào cũng có người chết và người nằm tại trạm y tế trại thì la liệt. Vì bác sĩ Chi huy trưởng Kirsche đề nghị Thống đốc Nam Kỳ thay đổi cách quản lý trại Bà Rá để giúp giảm thiểu các đợt dịch bệnh truyền nhiễm đã xảy ra khiến nhiều tù nhân thiệt mạng, cụ thể là *“đề nghị trả tự do một số tù nhân không đủ sức khỏe, cụ thể là bị lao”* (TĐNK, 1941c), nhưng chuyện trả tự do cho tù nhân thực ra không phải là việc của bác sĩ.

Tù nhân bị bắt buộc phải lao động khổ sai nặng nhọc giữa rừng già, phải đối mặt với nhiều độc hại, nguy hiểm đối với sức khỏe; bệnh tật, chết chóc diễn ra bất cứ lúc nào. Theo hồ sơ lưu trữ, đến ngày 1-1-1941, số thứ tự giấy báo tử tại Trại Bà Rá là 130D (130 người chết trong 5 tháng) và người có số tù lớn nhất là 465.FST (so với hơn 465 tổng số người bị giam giữ) (TĐNK, 1941d) - Một tỉ lệ tù nhân chết khủng khiếp chưa từng có ở các trại tù tại Việt Nam lúc bấy giờ.

3. 5. Những cuộc vượt ngục

Nuôi chí vượt ngục là tất yếu của những tù chính trị tiếp tục đấu tranh từ ngay khi vào tù và trong suốt thời gian ở tù; phải vượt ngục trở về với dân, với đồng chí đồng bào, với phong trào, đó là động cơ quan trọng nhất của những ý định và kế hoạch vượt ngục. Cũng có những tù nhân sau một thời gian ở tù mới xuất hiện ý định vượt ngục vì không muốn bị giam giữ vô thời hạn; một số khác thấy tình hình chiến tranh thế giới kéo dài, nghe ngóng thấy cách mạng nổi lên, họ có ý định vượt ngục để tìm cơ hội mới.

Trước tình hình tù nhân vượt ngục, bộ máy quản tù cai ngục tăng cường kỷ luật canh gác và kiểm tra tù nhân, nhưng vượt ngục vẫn xảy ra nhiều. Thống kê năm 1942 các vụ vượt ngục (ở Trại A) như sau: Quý 1 = 26 vụ, Quý 2 = 18 vụ, Quý 3 = 11 vụ. Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Thống đốc Nam kỳ (Phòng các vụ chính trị và bản địa) cho biết: từ tháng 4-1941, thời điểm có 3 Trại Lao động tập trung tại Núi Bà Rá, tù nhân vượt ngục đều là tù nhân lao động ở trại A. Nhưng ông Chánh

Tham biện cảnh báo: “Đối với tù chính trị, tình hình hoàn toàn khác. Ngoài một số tù nhân cho tôi sự tin tưởng tuyệt đối, về khía cạnh con người, về sự cải tạo tiến bộ của họ, thì chúng tôi thấy còn rất nhiều kẻ cấu kết nhau một cách bí mật, đang tìm cách chống lại chúng ta”. Ông giải thích: “*Nếu như không có các vụ vượt ngục nào xảy ra ở tù chính trị từ khi họ được chuyển từ Tài Lài lên Bà Rá, là do không phải vì những tù nhân này ít có cơ hội hơn tù thường phạm*” (TĐNK, 1941a).

Tù vượt ngục bị bắt lại sẽ phải được đưa trở lại trại ngay lập tức (không đưa tù vượt ngục vào trong các nhà tù tỉnh, để làm giảm ý chí mong muốn tự do của một số tù nhân khác). Cũng cần lưu ý rằng, những vụ vượt ngục chỉ xảy ra trong số các tù nhân làm việc bên ngoài. Tù nhân ở trại A không bao giờ từ bỏ số phận giống như tù chính trị ở trại C và sự khao khát tự do thôi thúc họ không màng những hiểm nguy để trốn trong các khu rừng hoang. Có thể giảm được số vượt ngục bằng cách giảm số lượng nhân công lao dịch và tăng số lượng dân quân canh gác lên 2 người, thay vì chỉ 1 như hiện nay. Một cách khác, đó là bắt quay ngay về trại những kẻ vượt ngục bị bắt giữ và phạt nhốt chúng 60 ngày trong ngục tối. Hình phạt này sẽ làm cho chúng không dám bắt đầu lại nữa. Tuy nhiên, cũng cần phải lưu ý rằng, theo các thông tin mà tôi nhận được ở Bà Rá, thì có 75% tù vượt ngục bị bắt trở lại, 15% chết trong rừng do bị thú dữ ăn thịt và chỉ 10% được tự do (TĐNK, 1942).

Báo cáo của Thanh tra Larivière ngày 21/8/1942 còn đề nghị: “*dựng các chòi canh gác có đèn pha, cùng với lính gác và những người này sẽ hành động ngay khi có tiếng động hoặc thấy cái bóng đáng ngờ*” (TĐNK, 1942). Báo cáo của Larivière Thanh tra Vụ Chính trị và Hành chánh gửi Thống đốc Nam kỳ ngày 26/6/1942: “*Ban quản lý Trại Lao động Đặc biệt không ngừng lo lắng đến vấn đề vượt ngục. Nó hoàn toàn không thể tránh khỏi, vì các tù nhân luôn luôn trốn trong lúc làm việc. Về cơ bản, cần phải có một trại dân quân đến Bà Rá làm việc, với vai trò là đơn vị trực thuộc...*”

Theo tôi chỉ có một cách hiệu quả: không đưa các tên vượt ngục bị bắt trở lại ra tòa nữa, vì chúng sẽ được hưởng vài tháng nghỉ ngơi trong các nhà tù tỉnh như các can phạm khác. Ngay khi bắt được chúng, hãy đưa chúng quay trở lại Bà Rá ngay lập tức, tại đây, chúng sẽ bị xích chân trong lúc làm việc” (TĐNK, 1942).

Chính quyền thuộc địa thưởng hậu hĩ cho những ai bắt được tù nhân trốn khỏi trại lao động đặc biệt núi Bà Rá (thưởng 20\$00 cho mỗi lần bắt được tù nhân, một người bắt được thì được hưởng nguyên tiền thưởng, nhiều người bắt được thì chia đều cho từng người). Có rất nhiều đối tượng tích cực làm việc này, từ hương trưởng, người làm bếp, dân thường, lính, cai, nhân viên cảnh sát cho tới phó quận trưởng... đều tham gia truy bắt tù nhân trốn khỏi trại lao động Bà Rá. Nhưng vượt ngục vẫn là hình thức đấu tranh thường xuyên của tù nhân ở trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá. Tuy vậy số tù vượt ngục năm 1943 vẫn rất lớn.

Để ngăn tình trạng vượt ngục, quan thanh tra và các tham biện đều đề nghị đối phó bằng cách giảm số tù lao động khổ sai ngoài trại để giảm số tù có điều kiện

vượt ngục. Nhưng “vô quýt dày có móng tay nhọn” - Vượt ngục những năm 1944-1945 vẫn tiếp tục diễn ra như một hình thức đấu tranh quyết liệt nhất của tù nhân, nhất là khi lực lượng và phong trào đấu tranh cách mạng, đấu tranh dân tộc ngày một lên cao, nhiều tù nhân vượt ngục đã bổ sung kịp thời cho thực lực cách mạng các địa phương.

3.6. Tổ chức và đấu tranh nội bộ

Các hội ký của cựu tù chính trị phạm từng ở Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá như Tô Ký, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Lựu, Trương Văn Nhâm, Trương Văn Bang... đều kể về tổ chức Đảng trong tù ở Bà Rá.

Hội ký Trần Văn Giàu cho biết, trong trại lao động “những người không cộng sản cũng không ít, còn có tín đồ Cao Đài, nổi tiếng nhất là “Thiên Bồng đại nguyên soái” Lê Kim Ty; lại có Tờ-rốt-kít như nhà báo ít tiếng tăm Lê Văn Thử từ đệ tam sang đệ tứ, tiến lên đệ tứ rưỡi, cũng có một tay nguyên thuộc công đoàn vô chính phủ ở Paris như Trịnh Hưng Ngẫu – nay là công thương gia. Lác đác vào trại có một ít cụ thuộc các “hội kín” ngày xưa” (Trần Văn Giàu, 2008). Trương Văn Bang năm 1943 bị đày tiếp đi Bà Rá. Trong tù, ông cùng các đảng viên cộng sản liên tục đấu tranh với nhóm “đệ tứ”, nhóm “Tờ-rốt-kít”, để bảo vệ quan điểm đúng đắn của Đảng.

Hội ký của bà Nguyễn Thị Một cho biết: “nhóm đệ tứ lúc ấy ở Bà Rá, chỉ còn có Hồ Hữu Tường, Phan Văn Hoa và một số chịu ảnh hưởng của nhóm này. Đám này với các đồng chí ta là những người đồng cảnh nhưng bên trong mâu thuẫn nhau về lý tưởng, nên các đồng chí ta phải cảnh giác đối với họ. Số xu hướng thân đệ tứ cũng cầu an, không tranh luận về thời sự với anh em ta. Số thân Nhật lúc ấy đã bị đày đi Ma-đa-gát-ca như Phạm Công Tắc, bác sĩ Nhã...” (Nguyễn Thị Một, 1990).

Sinh hoạt trong tù (Trại C) thường tập trung vào vấn đề chiến tranh thế giới; mọi người tranh luận và tìm cách giải thích về Chủ nghĩa phát xít, nguyên nhân của chiến tranh thế giới lần thứ hai, Chiến tranh và cách mạng sẽ ra sao... “Anh Bang cho tôi biết, nhà giam Bà Rá hiện nay có sự tranh luận giữa nhóm đệ tứ và nhóm thân Nhật với các đồng chí ta về vấn đề giữa Đồng minh và trục phát xít ai sẽ thắng” (Nguyễn Thị Một, 1990).

Qua tài liệu nhận được từ bên ngoài thông qua những chuyến thăm nuôi, anh em chính trị phạm trong trại Bà Rá vững tin vào tình hình chuyển biến nhanh có lợi cho cách mạng, từ đó anh em bàn đến các công việc thiết thực như tuyên truyền vận động binh lính Pháp đứng về phía tù nhân đấu tranh cách mạng, tuyên truyền vận động đồng bào địa phương tạo điều kiện cho tù nhân vượt ngục, khi chưa vượt ngục được thì phải chuẩn bị võ thuật, sắm vũ khí tự vệ (dao, xà beng, xẻng), tích trữ thuốc men, cơm khô...

Những nữ đảng viên cộng sản như bà Nguyễn Thị Định trong thời gian bị giam cầm tại Bà Rá đã thông qua tổ chức Đảng tiếp tục đấu tranh bằng nhiều hình thức khác nhau phù hợp với hoàn cảnh của mọi bộ phận tù nhân. Các chị em đoàn kết, duy trì hoạt động và tuyên truyền về chủ nghĩa yêu nước, lý tưởng cách mạng,

rèn luyện bản thân và tinh thần đồng đội. Đêm Bà Rá rất lạnh, chị em tổ chức văn nghệ để quên đi giá rét; người hát vọng cổ, người đọc thơ, tiếng hát, tiếng cười có tác dụng xoa tan đi những đau đớn, buồn thương nơi chốn lao tù hẻo lánh.

Từ năm 1942, địch dùng thủ đoạn mới trong giam cầm đầy ải nơi rừng thiêng nước độc với hình thức “trả tự do” nhưng phải “cư trú tại nơi quy định ở Núi Bà Rá”, gồm 42 lao động tù nhân Trại A và 20 lao động tù nhân Trại C.

Đây là một giải pháp giam giữ mới của Trại lao động đặc biệt hay là kết quả của nỗ lực đấu tranh của lao động-tù nhân (?). Báo cáo ngày 25/9/1942 của Thanh tra Vụ Chính trị và Hành chánh cho biết: “42 tù nhân (Trại A) tạo thành một đội làm gạch, làm mộc, chăn bò, xây nhà, thợ cơ khí... những người này làm việc tại trung tâm khẩn hoang, đã được trả tự do, và được cho cư trú tại nơi quy định ở Núi Bà Rá... Theo ý tôi, đây là một kinh nghiệm cho kết quả tốt, cần phải tiếp tục theo đuổi” (TĐNK, 1942).

Địch coi đây là giải pháp “cần phải tiếp tục theo đuổi”; còn các lao động-tù nhân thì “tương kế tựu kế” để tồn tại và tiếp tục đấu tranh. Nhưng không thấy có danh sách trại B - Có thể do các lao động-tù nhân ở đây được sử dụng nhiều trong các hoạt động của Trại với chế độ ‘thoải mái’ hơn; song như nữ tù chính trị phạm Trại B – bà Nguyễn Thị Lựu viết trong hồi ký: “Chế độ đối với nữ chính trị phạm có khá hơn, bởi chị em là nữ, phân công rất trẻ, lại có trình độ văn hóa, nhiều người nói được tiếng Pháp, có tư cách đứng đắn nên chúng nể vì”; mặc dù vậy, các nữ tù vẫn luôn tinh táo và giữ vững ý chí của người chiến sĩ cách mạng khi địch “âm mưu tách rời các anh ra khỏi tập thể, có vườn, có đất rồi các anh sẽ say mê cái thú điền viên và quyền lợi riêng tư mà bị hao mòn tinh thần cách mạng. Các anh ra Cô Lông, nó chỉ dùng một miếng đất và một số tiền nhỏ nhoi để cột chân các anh, thực hiện đúng cái từ “biệt xứ” mà nó đã đưa ra. Và như vậy là, thứ nhất: mình bị tách rời tập thể, thứ hai: bị mang tiếng bóc lột lại các anh em được ra làm công nhân để khai khẩn cho mình. Nếu các anh có miếng đất để cải tạo phì nhiêu, xum xuê vườn tược, các anh còn thiết tha đi về nữa hay không? Hay chỉ ở lại đây để chôn vùi ý chí lại núi Bà Rá này ? Mà đã như vậy thì rơi trúng âm mưu của giặc” (Nguyễn Thị Lựu, 2015).

Như thế, đã diễn ra cuộc đấu tranh trong nội bộ và tư tưởng; chắc chắn sẽ tiếp tục có những chỉ đạo để lực lượng tù nhân luôn được thống nhất. Nhưng chưa bao lâu thì Trại lao động đặc biệt Núi Bà Rá bị giải thể; phong trào cách mạng bùng lên và cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân tháng 8-1945 đã kết thúc hoàn toàn chế độ thực dân.

4. Kết luận

Đấu tranh giữ vững khí tiết của tù nhân trong Trại lao động đặc biệt núi Bà Rá là hình thức đấu tranh phổ biến trong hệ thống nhà tù dưới thời thực dân đế quốc. Mặc dù bị giam cầm, đánh đập dã man, lao động khổ sai trong điều kiện thiếu thốn và nhiều bệnh tật đe dọa, các tù nhân ở nhà tù Bà Rá vẫn đấu tranh không hề nao

núng, dưới nhiều hình thức, nhất là đấu tranh của nữ tù nhân. Qua đấu tranh, các lao động-tù nhân, nhất là các tù chính trị đã luôn kiên định với mục tiêu cách mạng, biến nhà tù thành nơi đọ sức, đọ trí với kẻ thù, giữ vững khí tiết của người cộng sản, giữ gìn phẩm hạnh cao quý của người phụ nữ Việt Nam đấu tranh cách mạng.

Tù chính trị và tù thường phạm đều có nhiều hình thức đấu tranh, trong đó đấu tranh của chính trị phạm đòi hỏi phải có tổ chức bí mật trong tù; mặc dù chưa có nhiều tư liệu nói rõ về tổ chức Đảng trong nhà tù ở Bà Rá, nhưng các hồi ký của cựu tù là những người trải qua thực tế lao tù đều cho thấy đấu tranh của tù chính trị phạm ở đây (gồm cả đấu tranh của nữ tù) là cơ bản nhất, phản ánh rõ tính chất quyết liệt và bản chất cách mạng của tù nhân. Do có nhiều thành phần tù nhân nên đấu tranh của họ có nhiều động cơ, mục đích và hình thái khác nhau, trong đó có đấu tranh tư tưởng trong nội bộ tù chính trị là rất quan trọng, chứng tỏ lực lượng lao động – tù nhân ở Trại Lao động đặc biệt Núi Bà Rá có khá đông những người yêu nước và cách mạng, đấu tranh của họ vì thế là một bộ phận khăng khít của phong trào đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng ở Nam Bộ trong thời kỳ chuẩn bị và tiến tới cách mạng tháng Tám.

Nghiên cứu nằm trong khuôn khổ đề tài theo Quyết định số 3381/QĐ-UBND, của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước, ngày 27/12/2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Thị Thủy (2016). *Nhà tù Bà Rá trong ký ức Nguyễn Thị Lựu*. Hội thảo Di tích nhà tù Bà Rá và đấu tranh chống chế độ lao tù (1940-1945), Thị ủy Phước Long, tháng 6-2016
- [2] Nguyễn Thị Một (1990). *Cuộc đời của mẹ, gia tài các con - Hồi ký cách mạng*. NXB Trẻ
- [3] Nguyễn Hùng (2003). *Nam Bộ - Những nhân vật một thời vang bóng*. NXB Công An Nhân dân.
- [4] Nguyễn Thị Lựu (2015). *Tình yêu và ánh sáng*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] TĐNK (1941). *Công văn gửi Thống đốc Nam kỳ về tình hình trại lao động đặc biệt Bà Rá*. Công văn số 1371, ngày 23-8-1941.
- [6] TĐNK (1941a). *Công văn Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Thống đốc Nam kỳ (Phòng các vụ chính trị và bản địa) v/v tù nhân ở trại lao động đặc biệt Bà Ra*. Công văn số 488C, ngày 9/8/1941.
- [7] TĐNK (1941b). *Công văn Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Thống đốc Nam kỳ (Phòng các vụ chính trị và bản địa) v/v tù nhân ở trại lao động đặc biệt Bà Ra*. Công văn số 488C, ngày 9/8/1941.
- [8] TĐNK (1941c). *Báo cáo tình trạng y tế tại trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 52578, ngày 2/12/1941.
- [9] TĐNK (1941d). *Công văn của Chủ tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng phòng 5 v/v hủy bỏ trại Tà Lại và chuyển lên trại Bà Rá*. Hồ sơ IIA.45/195/1, ngày 25/8/1941.

- [10] TĐNK (1941e). *Công văn ngày 31/7/1941 của Chánh Tham biện tỉnh Biên Hòa gửi Trưởng Sở Cảnh sát v/v tù nhân giam giữ tại trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 17286, ngày 31/7/1941.
- [11] TĐNK (1942). *Báo cáo thanh tra trại lao động đặc biệt Bà Rá tháng 6-9/1942*. Hồ sơ 50513, ngày 28/9/1942.
- [12] TĐNK (1943). *Bảng kê tiền thưởng cho nhân viên sở cảnh sát trong việc bắt tù nhân trại lao động Bà Rá vượt ngục (kèm lời khai và tòa xử)*. Hồ sơ số 59429, ngày 5/9/1943.
- [13] TĐNK (1944). *Sở Cảnh sát Sài Gòn gửi Văn phòng Vụ Chính trị bản xử thuộc Phủ Thống đốc Nam kỳ giấy chứng tử, công văn thông báo v/v tù nhân tại trại lao động Bà Rá chết*. Công văn số 87225 ngày 18/12/1944.
- [14] TĐNK (1944a). *Công văn mật ngày 23/9/1944 của Thống đốc Nam kỳ gửi Chủ tỉnh Biên Hòa v/v làm thông thoáng trại lao động Bà Rá*. Hồ sơ 17192, ngày 23/9/1944.
- [15] TĐNK (1944b). *Thông tư Thanh tra Vụ Chính trị và Hành chánh gửi các Chánh Tham biện, Chủ tỉnh, Trưởng sở cảnh sát địa phương*. Số 138-C/Api ngày 21/12/1944.
- [16] Trầm Hương (2007). *Huyền thoại nữ tướng Nguyễn Thị Định*. An Ninh Thế giới, số 642 - 645, ngày 7/4/2007 - 20/4/2007
- [17] Trầm Hương (2016). *Nguyễn Thị Định và khúc bi tráng nhà tù Bà Rá*. Hội thảo Di tích nhà tù Bà Rá và đấu tranh chống chế độ lao tù (1940-1945). Thị ủy Phước Long.
- [18] Trần Bạch Đằng (chủ biên, 1991). *Địa chí Sông Bé*. NXB Tổng hợp Sông Bé.
- [19] Trần Văn Giàu (2008). Tự bạch. *Tổng tập. Tập 3*. NXB Quân đội Nhân dân.